

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 41/2022/HS-ST

Ngày: 23 - 6- 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu

2. Ông Phạm Xuân Vạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2022, đối với bị cáo:

Dương Đình Q, sinh năm 1978 tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT: Thôn a, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ a, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Đình L và bà Lương Thị L; có vợ là Trương Thị Thanh P (đã ly hôn) và 03 con; bị bắt tạm giam từ ngày 08-9-2021 - Có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1974; địa chỉ: Tổ dân phố b, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Việt Nam V

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy H, địa chỉ: Số b, Quốc lộ a, khu phố a, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

Người làm chứng:

- Chị Dương Thị Thu T, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai - Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị L, địa chỉ; Số a, đường Q, phường d, quận G, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/01/2020, Dương Đình Q ký hợp đồng vay số tiền 644.000.000đ của Ngân hàng Thương mại cổ phần V, chi nhánh Đồng Nai để mua xe ô tô tải nhãn hiệu MIGHTY DONGVANG, BKS 49C-167.91; thời hạn vay 72 tháng, phương thức vay trả góp hàng tháng, bắt đầu từ tháng 02/2018 đến tháng 01/2024. Để đảm bảo cho khoản vay trên, Q đã thế chấp xe ô tô tải 49C-167.91 cho Ngân hàng, Ngân hàng giữ bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giao cho Q bản phô tô Giấy đăng ký xe có dấu của Ngân hàng, 01 bản gốc Giấy chứng nhận đăng kiểm xe và 01 bản gốc Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc.

Sau khi ký hợp đồng vay, Q trả cho Ngân hàng được 03 tháng tiền vay (Tháng 2, 3, 4/2018), sau đó không trả nữa. Do Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên tháng 9/2019, Ngân hàng đã làm đơn khởi kiện Q đến TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 của TAND huyện Đ đã tuyên xử lý xe 49C-167.91 để thu hồi vốn cho Ngân hàng, tuy nhiên Q không chấp hành Bản án mà tiếp tục sử dụng xe ô tô 49C-167.91 để chở hàng tại thành phố G.

Khoảng giữa năm 2020, khi Giấy chứng nhận đăng kiểm xe hết hạn, Q đã lên mạng xã hội facebook liên lạc với 01 đối tượng không rõ nhân thân, thuê người này làm giả 03 giấy tờ gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 Giấy phép lái xe hạng C và 01 Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô BKS 49C-167.91, cùng mang tên Dương Đình Q với số tiền 4.500.000đ. Khoảng một tuần sau, người này gửi 03 giấy tờ giả nêu trên cho Q qua dịch vụ bưu điện.

Sau khi có 03 giấy tờ giả trên, Q để vào ca bin xe ô tô rồi điều khiển xe đi các tỉnh miền tây để thu mua trái cây. Đến ngày 02/12/2020, việc buôn bán thua lỗ nên Q nảy sinh ý định sử dụng 03 giấy tờ giả này để cầm cố xe ô tô 49C-167.91 lấy tiền trả tiền hàng và tiêu xài cá nhân. Q mang xe ô tô đến tiệm cầm đồ “T” của anh Nguyễn Hữu N (SN 1974) tại tổ b, P. N, nói với anh N “*Anh cầm giúp em chiếc xe để em lấy tiền đi thu mua sầu riêng*”, thì anh N hỏi “*Lấy bao nhiêu tiền, giấy tờ xe đâu?*” thì Q trả lời “*Em lấy 40.000.000đ thôi*” và lấy trong ca bin xe ra 03 giấy tờ giả nêu trên đưa cho anh N, nhưng không cho anh N biết đây là giấy tờ giả. Sau khi kiểm tra thấy thông tin trên giấy tờ đúng với thông tin cá nhân của Q và thông tin xe, nên anh N đồng ý cầm cố xe cho Q. Anh N yêu cầu Q điều khiển xe ô tô vào rẫy nhà anh N tại thôn c, xã Đ, huyện Đ để cất giữ, sau đó cả hai về lại tiệm cầm đồ để lập hợp đồng cầm cố. Nội dung hợp đồng thể hiện Q cầm cố xe ô tô 49C-

167.91 cho anh N với số tiền 40.000.000đ, thời hạn từ ngày 02/12/2020 đến 02/01/2021, ở mục số CMND trong hợp đồng anh N ghi dãy số 680202728740, là số giấy phép lái xe giả của Q, sau đó Q ký tên dưới mục “chủ hiện vật” trong hợp đồng, anh N ký tên dưới mục “chủ dịch vụ”. Sau đó Q nói anh N đưa cho Q 10.000.000đ tiền mặt, còn 30.000.000đ Q nói anh N chuyển vào số tài khoản ngân hàng TMCP T, mang tên Dương Thị Thu T (*Tài khoản do em gái Q đứng tên, nhưng Q trực tiếp sử dụng, hiện đã thất lạc*).

Sau đó vào các ngày 09, 10, 14, 25 và 31/12/2020, Q tiếp tục gọi điện thoại và đến tiệm cầm đồ của anh N đề nghị anh N đưa cho Q thêm 310.000.000đ tiền cầm cố chiếc xe ô tô 49C-167.91, thì anh N đồng ý và đã giao hết tiền cho Q. Trong đó anh N đưa cho Q 200.000.000 tiền mặt, chuyển khoản 03 lần số tiền 100.000.000đ vào số tài khoản mang tên Dương Thị Thu T và chuyển khoản 01 lần số tiền 10.000.000đ vào tài khoản ngân hàng TMCP T, mang tên Nguyễn Thị L (*SN 1990, HKTT: A, đường Q, phường d, quận G, TP. Hồ Chí Minh, là người bán sầu riêng cho Q, tuy nhiên qua xác minh hiện L không có mặt tại địa phương, không rõ ở đâu*). Các lần giao nhận tiền trên, anh N đã lập thêm 03 hợp đồng cầm cố khác, cụ thể:

- Hợp đồng cầm cố ngày 14/12/2020: Thẻ hiện Q cầm cố xe ô tô 49C-167.91 cho anh N với số tiền 120.000.000đ, thời hạn từ ngày 14/12/2020 đến 14/01/2021.

- Hợp đồng cầm cố ngày 25/12/2020: Thẻ hiện Q cầm cố xe ô tô 49C-167.91 cho anh N với số tiền 200.000.000đ, thời hạn từ ngày 25/12/2020 đến 25/01/2021.

- Hợp đồng cầm cố ngày 31/12/2020: Thẻ hiện Q cầm cố xe ô tô 49C-167.91 cho anh N với số tiền 350.000.000đ, thời hạn từ ngày 31/12/2020 đến 31/01/2021.

Trong các hợp đồng trên, Q đều ký tên dưới mục “chủ hiện vật”, ở mục số CMND trong hợp đồng anh N vẫn ghi dãy số 680202728740, là số giấy phép lái xe giả của Q. Sau mỗi lần lập hợp đồng mới, anh N giữ hợp đồng nhưng không hủy các hợp đồng đã lập trước đó.

Tổng số tiền Q đã nhận của anh N từ việc cầm cố xe ô tô 49C-167.91 là 350.000.000đ. Số tiền này, Q đã tiêu xài cá nhân hết, sau đó bỏ đi đến tỉnh Đồng Nai làm ăn nhưng không thông báo cho anh N biết. Hết hạn cầm cố xe, anh N nhiều lần liên lạc với Q để yêu cầu Q đến chuộc xe nhưng không liên lạc được. Nghi ngờ các giấy tờ xe Q đưa là giả nên anh N đã làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa.

Cáo trạng số: 89/CT – VKS ngày 13 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Dương Đình Q về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174; tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa đã truy tố là đúng, không oan sai.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Hữu N 350.000.000đ.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông 01 xe ô tô hiệu MIGHTY DONGVANG, loại HD700, màu trắng, BKS 49C-167.91 xử lý theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 49/CQĐT-ĐCSHS, trả lại 02 hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp xe ô tô cho Ngân hàng TMCP V

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 350.000.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, xác định được: Khoảng giữa năm 2020, Dương Đình Q liên hệ với một 01 đối tượng không rõ nhân thân làm giả 03 tài liệu gồm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 Giấy phép lái xe hạng C và 01 Giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô BKS 49C-167.91, cùng mang tên Dương Đình Q. Sau đó đến tháng 12/2020, Q đã sử dụng 03 giấy tờ giả trên để cầm cố chiếc xe ô tô tải BKS 49C-167.91 (*Là tài sản đã bị Tòa án huyện Đ tuyên xử lý để thu hồi nợ*) cho anh Nguyễn Hữu N để chiếm đoạt số tiền 350.000.000đ.

Xét thấy, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời xâm phạm đến lĩnh vực quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Trong lần phạm tội này bị cáo có các hành vi: Đặt mua giấy tờ giả và sử dụng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xét thấy, hành vi đặt mua giấy tờ giả và sử dụng giấy tờ giả có liên hệ chặt chẽ, hành vi đặt mua giấy tờ giả là điều kiện để thực hiện hành vi sử dụng giấy tờ giả, do đó bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*” là tội ghép theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

.....

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

.....

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

[3]. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, bị cáo bị xét xử cùng một lần về nhiều hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo bị xét xử một lần về nhiều tội, do đó cần áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 55 để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của các tội.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Hữu N 350.000.000đ.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe ô tô hiệu MIGHTY DONGVANG, loại HD700, màu trắng, BKS 49C-167.91 là tài sản bảo đảm thi hành án tại bản án số: 04/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 của TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, do đó cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với 02 hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp xe ô tô cho Ngân hàng V, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 49/CQĐT-ĐCSHS ngày 29-9-2021 trả lại cho Ngân hàng là phù hợp cần chấp nhận.

[9]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông là có căn cứ, cần chấp nhận. Riêng đối với tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị có phần nghiêm khắc, do đó không chấp nhận.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Dương Đình Q phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Đình Q 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

1.2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo bị cáo Dương Đình Q 03 (Ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức*”

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của các tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các tội là 10 (mười) năm 09 (chín) tháng tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 08-9-2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Hữu N 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

3. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông 01 xe ô tô hiệu MIGHTY DONGVANG, loại HD700, màu trắng, BKS 49C-167.91 xử lý theo quy định của pháp luật. (*Chiếc xe có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10-03-2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông*)

3.2. Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Gia Nghĩa có Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 49/CQĐT-ĐCSHS, trả lại 02 hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp xe ô tô cho Ngân hàng V.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Dương Đình Q phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 17.500.000đ (mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Đắk Nông;
- Cơ quan THAHS Công an Tp Gia Nghĩa;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố Gia Nghĩa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Thị Ngọc

